

Bản án số: 11/2024/KDTM-PT

Ngày 23 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU****- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Minh Trung**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Tấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2024/KDTM-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T.**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Trần Văn H – Giám đốc.**Địa chỉ trụ sở:** Số C, đường L, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).**- Bị đơn:**

1. Tổng Công ty T.

Địa chỉ trụ sở: Số E, đường P, Quận N, Thành phố Hà Nội.**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Trần Văn N – Nhân viên Bưu điện tỉnh T (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 8 năm 2024, có mặt).

2. Bưu điện tỉnh T

Địa chỉ trụ sở: Số C, đường L, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Trần Văn N – Nhân viên Bưu điện tỉnh T (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 8 năm 2024, có mặt).**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số C, đường H, khóm H, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bị đơn là Tổng Công ty T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện của nguyên đơn, ông Trần Văn H trình bày:

Ngày 08/01/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt là Công ty T) với Bưu điện tỉnh T ký hợp đồng số 08/2016/HĐ-TV tư vấn khảo sát địa chất công trình làm nhà Bưu điện huyện N, tỉnh Cà Mau. Công ty T đã thực hiện xong khối lượng công việc đúng theo hợp đồng mà hai bên ký kết. Cụ thể: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc theo hợp đồng đề nghị thanh toán (phụ lục 3a), Biên bản thanh lý hợp đồng năm 2016 và hóa đơn giá trị gia tăng.

Ngày 01/10/2019, Bưu điện tỉnh T mời Công ty T thỏa thuận với nội dung: Do địa phương điều chỉnh quy hoạch nên quy mô xây dựng Bưu điện giảm xuống thành Bưu cục, để có kinh phí thanh toán chi phí theo hợp đồng thì Công ty T phải thanh lý hợp đồng với giá trị 0 đồng. Giám đốc Bưu điện T hứa cuối năm 2019 sẽ thanh toán cho Công ty T nên Công ty T đồng ý ký vào Biên bản thanh lý hợp đồng.

Từ đó đến nay, Công ty T đã nhiều lần gửi Giấy đề nghị thanh toán số tiền theo hợp đồng và lãi suất theo hợp đồng nhưng Bưu điện tỉnh T không thực hiện. Nay Công ty T mà Bưu điện tỉnh T trực tiếp ký hợp đồng thanh toán cho Công ty T số tiền theo giá trị hợp đồng là 226.759.000 đồng và tiền phạt chậm thanh toán tính đến ngày 28/02/2022 là 184.954.000 đồng, tổng cộng là 411.713.000 đồng.

Ngày 16/02/2022, Công ty T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Bưu điện tỉnh T thanh toán cho Công ty T số tiền theo giá trị hợp đồng là 226.759.000 đồng, tiền phạt chậm thanh toán tính đến ngày 28/02/2022 là 184.954.000 đồng và tiền chi phí tạm ứng án phí 10.234.000 đồng.

Sau khi Bản án sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và Bản án phúc thẩm số 163/2022/DS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có hiệu lực pháp luật. Sau đó Công ty đã nhận các khoản tiền sau:

Ngày 15/8/2022 Công ty đã nhận lại án phí số tiền 9.422.000 đồng; Công ty đã nộp án phí theo bản án số tiền 812.000 đồng.

Các ngày 16/01/2023 và ngày 18/4/2023 Công ty đã nhận 02 lần tổng số tiền từ bị đơn nộp là 412.211.656 đồng.

Đến ngày 08/3/2024 Công ty T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tổng Công ty bưu điện Việt Nam và Bưu điện tỉnh T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty T tổng số tiền theo giá trị hợp đồng, tiền phạt chậm thanh toán là 412.211.656 đồng và hoàn lại 812.000 đồng tiền án phí.

Người đại diện theo ủy quyền của Bưu điện T, ông Trần Trọng H1 trình bày: Bưu điện tỉnh T với Công ty T có ký hợp đồng và ký các biên bản thanh lý như ông H trình bày là đúng. Bưu điện tỉnh T có ký biên bản thư xác nhận công nợ ngày 31/12/2019. Sau khi nhận được phản hồi của Công ty AQ thì Bưu điện tỉnh T

cũng không ý kiến gì. Căn cứ vào Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 01/10/2019 thể hiện có giá trị 0 đồng, do đơn vị khảo sát thực hiện không phù hợp với quy hoạch của địa phương nên **Buru điện tỉnh T** không còn nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty T**.

Tuy nhiên, theo kết quả xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, **Buru điện tỉnh T** đã thanh toán cho **Công ty T** số tiền 412.211.656 đồng. **Buru điện tỉnh T** chỉ là đơn vị trực thuộc của **Tổng Công ty T** nên việc thanh toán nợ cho **Công ty T** phải là trách nhiệm của **Tổng Công ty T**, nên trường hợp Tòa án xác định **Buru điện tỉnh T** không phải là bị đơn thì **Buru điện tỉnh T** yêu cầu **Công ty T** phải trả lại toàn bộ số tiền mà **Buru điện** đã nộp là 412.211.656 đồng và án phí sơ thẩm 19.774.000 đồng, án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

- **Tổng Công ty T** không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau trình bày:* Chi cục Thi hành án đã thi hành bản án số 48/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và bản án phúc thẩm số 163/2022/DS-PT ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đối với người được thi hành án **Công ty T** và người phải thi hành **án Buru điện tỉnh T**. **Buru điện tỉnh T** đã nộp số tiền 412.211.656 đồng (gốc và lãi chậm thi hành án) và nộp xong án phí số tiền 19.774.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau yêu cầu xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/KDTM-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty trách nhiệm hữu hạn T**.

Buộc **Tổng Công ty T** phải thanh toán cho **Công ty trách nhiệm hữu hạn T** tổng số tiền 412.211.656 đồng (Bốn trăm mười hai triệu hai trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

Buộc **Công ty trách nhiệm hữu hạn T** hoàn lại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau tổng số tiền 412.211.656 đồng (Bốn trăm mười hai triệu hai trăm mười một nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

- **Công ty trách nhiệm hữu hạn T** được nhận lại số tiền án phí đã nộp 812.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

- **Buru điện tỉnh T** được nhận lại các khoản tiền đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau với tổng số tiền: 432.285.656 đồng (Gồm: 412.211.656 đồng thi hành theo bản án, án phí sơ thẩm 19.774.000 đồng, án phí phúc thẩm 300.000 đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/5/2024, **Tổng Công ty T** kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Buộc **Công ty T** hoàn lại cho **Buru điện tỉnh T** số tiền 412.211.656 đồng mà **Buru điện tỉnh T** đã giao nộp theo yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của **Tổng Công ty T** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông **Trần Văn N** tranh luận: Yêu cầu **Công ty T** thanh toán số tiền như kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông **Trần Văn H** tranh luận: Không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2024/KDTM-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của **Tổng Công ty T** Hội đồng xét xử nhận định: **Tổng Công ty T** không kháng cáo số tiền phải hoàn trả cho **Công ty T** mà chỉ kháng cáo trách nhiệm hoàn trả, cụ thể: **Tổng Công ty T** không có trách nhiệm thanh toán giá trị hợp đồng dịch vụ cho **Công ty T** do **Công ty T** không cung cấp thông tin quy hoạch. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, ngày 08 tháng 01 năm 2016, **Công ty T** với **Bưu điện tỉnh T** có ký hợp đồng số 08/2016/HĐ-TV về việc tư vấn khảo sát địa chất công trình nhà làm việc Bưu điện huyện N. Tại Biên bản thanh lý hợp đồng năm 2016 (không ghi ngày tháng) giữa **Bưu điện tỉnh T** và **Công ty T** thể hiện: “**Công ty TNHH T** đã tổ chức thực hiện hoàn tất khối lượng công việc đúng yêu cầu trong hợp đồng mà hai bên đã ký. Giá trị nghiệm thu và thanh lý là 226.759.000 đồng”. Người đại diện hợp pháp của **Bưu điện tỉnh T** thừa nhận sau khi thanh lý hợp đồng năm 2016, Bưu điện tỉnh Cà Mau không thanh toán tiền cho **Công ty T**.

[2] **Tổng Công ty T** kháng cáo cho rằng, tại điểm e khoản 11.2 Điều 11 Hợp đồng tư vấn khảo sát địa chất số 08/2016/HĐ-TV ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định: “e. Thu thập thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

*Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của hợp đồng tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm”. Theo quy định trên, **Công ty T** không thu thập đầy đủ thông tin về quy hoạch của địa phương dẫn đến nhà **Bưu điện huyện N** tại vị trí khảo sát không thể xây dựng được do vướng quy hoạch. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 5.1 Điều 5 của hợp đồng:*

“a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Khoan lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

c) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.”

Tại Điều 13 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng quy định: Nhà thầu khảo sát lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng phù hợp nhiệm vụ khảo sát xây dựng, các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng và trình chủ đầu tư phê duyệt. Như vậy, theo nội dung của hợp đồng không quy định Công ty T phải cung cấp thông tin quy hoạch của địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty T.

[3] Tranh chấp này đã được Toà án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 và Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết tại bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực số 163/2022/DS-PT ngày 01/7/2022. Các đương sự trong vụ án đã thi hành án. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 197/2023/DS-GĐT ngày 13/9/2023 của Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau và Bản án dân sự phúc thẩm số 163/2022/DS-PT ngày 01/7/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết sơ thẩm lại vụ án nên Toà án nhân dân thành phố Cà Mau tuyên trả lại án phí các đương sự nộp là có căn cứ.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2024/KDTM-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ điều chỉnh cách tính.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Tổng Công ty T không được chấp nhận nên Tổng Công ty T phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/KDTM-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Buộc Tổng Công ty T phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T tổng số tiền 412.211.656 đồng.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T hoàn lại cho Bưu điện tỉnh T số tiền 412.211.656 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền trên.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tổng Công ty T phải chịu án phí số tiền 20.488.466 đồng (chưa nộp).

Công ty trách nhiệm hữu hạn T không phải chịu án phí. Ngày 31/01/2024, Công ty T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 10.244.000 đồng theo biên lai thu số 0008035 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Công ty trách nhiệm hữu hạn T được nhận lại số tiền án phí đã nộp 812.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Bưu điện tỉnh T được nhận lại số tiền án phí sơ thẩm 19.774.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

3. Án phí phúc thẩm: Tổng Công ty T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 03/6/2024, Tổng Công ty T có nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008756 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Bưu điện tỉnh T được nhận lại số tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế

Nguyễn Thành Lập

**Đặng Minh Trung
aiHa**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi Cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đặng Minh Trung

